

Số: 87 /BC-UBND

Quảng Ngãi, ngày 20 tháng 4 năm 2017

BÁO CÁO

Kết quả Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của tỉnh Quảng Ngãi năm 2016; nhiệm vụ và giải pháp nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh năm 2017 và những tiếp theo

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI	
CV	Số: 2183
ĐẾN	Ngày: 20/4/17
	Chuyên:

1. Tình hình thực hiện PCI năm 2016

1. Công tác chỉ đạo của tỉnh

Năm 2016 là năm đầu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2016 - 2020, tỉnh Quảng Ngãi xác định nhiệm vụ ưu tiên là tập trung cải cách thủ tục hành chính và thu hút đầu tư. Do đó, ngay từ đầu năm, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 05/01/2016⁽¹⁾ và Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 15/01/2016⁽²⁾ để triển khai nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội và đẩy mạnh công tác thu hút đầu tư.

Thực hiện các Nghị quyết của Chính phủ: số 19-2016/NQ-CP ngày 28/4/2016⁽³⁾; số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016⁽⁴⁾ và nhận thức được tầm quan trọng của PCI đối với việc cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Ngãi, UBND tỉnh đã cụ thể hóa quyết tâm bằng hàng loạt các quyết định, chỉ thị chỉ đạo đến từng sở, ban ngành, địa phương và các cơ quan, đơn vị có liên quan như: Quyết định số 250/QĐ-UBND ngày 31/5/2016⁽⁵⁾; Quyết định số 1197/QĐ-UBND ngày 05/7/2016⁽⁶⁾; Chỉ thị số 16/CT-UBND ngày 08/11/2016⁽⁷⁾; tổ chức Hội nghị PCI Quảng Ngãi năm 2015 vào ngày

⁽¹⁾ Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 05/01/2016 của UBND tỉnh về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2016.

⁽²⁾ Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 15/01/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc đẩy mạnh công tác thu hút đầu tư phát triển kinh tế - xã hội.

⁽³⁾ Nghị quyết số 19-2016/NQ-CP ngày 28/4/2016 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia hai năm 2016 - 2017, định hướng đến năm 2020.

⁽⁴⁾ Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020.

⁽⁵⁾ Quyết định số 250/QĐ-UBND ngày 31/5/2016 của UBND tỉnh về Kế hoạch hành động triển khai thực hiện Nghị quyết số 19-2016/NQ-CP ngày 28/4/2016 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh Quảng Ngãi hai năm 2016 - 2017, định hướng đến năm 2020.

⁽⁶⁾ Quyết định số 1197/QĐ-UBND ngày 05/7/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020 của tỉnh Quảng Ngãi.

⁽⁷⁾ Chỉ thị số 16/CT-UBND ngày 08/11/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc tập trung thực hiện các biện pháp nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh.

07/6/2016 để phân tích, đánh giá và chỉ ra những nhược điểm cần nhanh chóng khắc phục để cải thiện PCI những năm tiếp theo.

2. Kết quả PCI tỉnh Quảng Ngãi năm 2016

Kết quả công bố PCI năm 2016 ngày 14/3/2017 của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), PCI của tỉnh Quảng Ngãi xếp thứ hạng 26/63 tỉnh thành, với tổng số điểm đạt được 58,24 điểm, giảm 1,00 điểm và giảm 11 bậc trên bảng xếp hạng so với năm 2015, thuộc nhóm xếp thứ hạng khá.

Bảng điểm và vị thứ của các chỉ số thành phần PCI Quảng Ngãi trên bảng xếp hạng 63 tỉnh, thành phố từ năm 2014 - 2016 (không trọng số)

T T	Chỉ số thành phần	Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016		So sánh			
		Điểm số	Thứ hạng	Điểm số	Thứ hạng	Điểm số	Thứ hạng	Năm 2015 so với năm 2014		Năm 2016 so với năm 2015	
								Điểm số (+, -)	Thứ hạng (+, -)	Điểm số (+, -)	Thứ hạng (+, -)
1	Gia nhập thị trường	7,97	49	7,80	60	8,34	43	-0,17	-11	+0,54	+17
2	Tiếp cận đất đai	5,75	35	5,63	44	5,40	50	-0,12	-9	-0,23	-6
3	Tính minh bạch	6,94	3	6,67	11	6,80	8	-0,27	-8	+0,13	+3
4	Chi phí thời gian	5,83	53	6,99	21	6,51	35	+1,16	32	-0,48	-14
5	Chi phí không chính thức	4,98	36	4,84	37	4,81	48	-0,14	-1	-0,03	-11
6	Tính năng động của chính quyền tỉnh	3,60	58	3,97	56	4,04	59	+0,37	+2	+0,07	-3
7	Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp	5,83	17	5,95	13	5,27	42	+0,12	+4	-0,68	-29
8	Đào tạo lao động	5,83	31	5,81	28	6,28	23	-0,02	+3	+0,47	+5
9	Thiết chế pháp lý	7,46	2	7,09	3	5,67	24	-0,37	-1	-1,42	-21
10	Cạnh tranh bình đẳng	4,11	55	4,49	43	5,12	30	+0,38	+12	+0,63	+13
Tổng số		58,30	20	59,24	15	58,24	26	+0,94	+5	-1,00	-11
Nhóm xếp hạng		Khá		Khá		Khá					

Ghi chú: Tăng (+), giảm (-).

Qua bảng điểm và vị thứ các chỉ số thành phần PCI năm 2016 so với năm 2015: Có 04 chỉ số tăng điểm và tăng bậc, 01 chỉ số tăng điểm nhưng giảm bậc, 05 chỉ số giảm điểm và giảm bậc, cụ thể:

- 04 chỉ số tăng điểm và tăng bậc

+ Cạnh tranh bình đẳng: tăng 0,63 điểm và tăng 13 bậc (từ vị thứ 43 lên 30).

+ Gia nhập thị trường: tăng 0,54 điểm và tăng 17 bậc (từ vị thứ 60 lên 43).

+ Đào tạo lao động: tăng 0,47 điểm và tăng 05 bậc (từ vị thứ 28 lên 23).

+ Tính minh bạch: tăng 0,13 điểm và tăng 03 bậc (từ vị thứ 11 lên 8).

- 01 chỉ số tăng điểm nhưng giảm bậc và xếp hạng dưới trung bình so với 63 tỉnh/thành phố: Tính năng động của chính quyền tỉnh: tăng 0,07 điểm nhưng giảm 03 bậc (từ vị thứ 56 xuống 59).

- 05 chỉ số giảm điểm và giảm bậc, trong đó đáng chú ý có 04 chỉ số xếp hạng dưới trung bình so với 63 tỉnh/thành phố

+ Thiết chế pháp lý: giảm 1,42 điểm và giảm 21 bậc (từ vị thứ 3 xuống 24).

+ Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp: giảm 0,68 điểm và giảm 29 bậc (từ vị thứ 13 xuống 42).

+ Chi phí thời gian: giảm 0,48 điểm và giảm 14 bậc (từ vị thứ 21 xuống 35).

+ Tiếp cận đất đai: giảm 0,23 điểm và giảm 06 bậc (từ vị thứ 44 xuống 50).

+ Chi phí không chính thức: giảm 0,03 điểm và giảm 11 bậc (từ vị thứ 37 xuống 48).

Qua tổng hợp, nghiên cứu, phân tích đánh giá kết quả PCI năm 2016 và những năm trước cho thấy chỉ số PCI của Quảng Ngãi chưa ổn định, luôn có sự tăng, giảm qua các năm. Cụ thể trong các năm từ 2014 - 2016 như sau: năm 2014 xếp hạng khá (đứng 20/63), năm 2015 tăng 05 bậc và thuộc nhóm xếp hạng khá (đứng 15/63), năm 2016 giảm 11 bậc và tiếp tục thuộc nhóm xếp hạng khá (đứng 26/63); theo đó kết quả tăng/giảm điểm của các chỉ số thành phần qua các năm như sau:

- Nhóm chỉ số liên tục tăng điểm

+ Cạnh tranh bình đẳng⁽⁸⁾: liên tục tăng điểm và tăng bậc trong 03 năm.

+ Tính năng động của chính quyền tỉnh⁽⁹⁾: liên tục tăng điểm trong 03 năm. Tuy nhiên, năm 2016 chỉ số này giảm bậc và qua 03 năm luôn xếp hạng dưới trung bình so với 63 tỉnh/thành phố.

- Nhóm chỉ số tăng điểm, giảm điểm không ổn định gồm các chỉ số: Gia nhập thị trường⁽¹⁰⁾; Tính minh bạch⁽¹¹⁾; Chi phí thời gian⁽¹²⁾; Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp⁽¹³⁾; Đào tạo lao động⁽¹⁴⁾. Trong đó có 03 chỉ số năm 2016 còn xếp

⁽⁸⁾ Cạnh tranh bình đẳng : Năm 2014 (Điểm số: 4,11; Thứ hạng: 55); năm 2015 (Điểm số: 4,49; Thứ hạng: 43); năm 2016 (Điểm số: 5,12; Thứ hạng: 30).

⁽⁹⁾ Tính năng động của chính quyền tỉnh: Năm 2014 (Điểm số: 3,6; Thứ hạng: 58); năm 2015 (Điểm số: 3,97; Thứ hạng: 56); năm 2016 (Điểm số: 4,04; Thứ hạng: 59).

⁽¹⁰⁾ Gia nhập thị trường: Năm 2014 (Điểm số: 7,97; Thứ hạng: 49); năm 2015 (Điểm số: 7,80; Thứ hạng: 60); năm 2016 (Điểm số: 8,34; Thứ hạng: 43).

⁽¹¹⁾ Tính minh bạch: Năm 2014 (Điểm số: 6,94; Thứ hạng: 3); năm 2015 (Điểm số: 6,67; Thứ hạng: 11); năm 2016 (Điểm số: 6,80; Thứ hạng: 8).

⁽¹²⁾ Chi phí thời gian: Năm 2014 (Điểm số: 5,83; Thứ hạng: 53); năm 2015 (Điểm số: 6,99; Thứ hạng: 21); năm 2016 (Điểm số: 6,51; Thứ hạng: 35).

⁽¹³⁾ Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp: Năm 2014 (Điểm số: 5,83; Thứ hạng: 17); năm 2015 (Điểm số: 5,95; Thứ hạng: 13); năm 2016 (Điểm số: 5,27; Thứ hạng: 42).

⁽¹⁴⁾ Đào tạo lao động: Năm 2014 (Điểm số: 5,83; Thứ hạng: 31); năm 2015 (Điểm số: 5,81; Thứ hạng: 28); năm 2016 (Điểm số: 6,28; Thứ hạng: 23).

hạng dưới trung bình so với 63 tỉnh/thành phố gồm: Gia nhập thị trường, Chi phí thời gian và Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp.

- Nhóm chỉ số liên tục giảm điểm

+ Tiếp cận đất đai⁽¹⁵⁾ và Chi phí không chính thức⁽¹⁶⁾: 02 chỉ số này liên tiếp giảm điểm và giảm bậc, đồng thời xếp hạng dưới trung bình so với 63 tỉnh/thành phố.

+ Thiết chế pháp lý⁽¹⁷⁾: Chỉ số này liên tiếp giảm điểm và giảm bậc. Năm 2014 xếp thứ 2, năm 2015 xếp hạng 3 và năm 2016 tụt hạng đáng kể, xếp thứ 24.

3. Một số kết quả đạt được và tồn tại, hạn chế

a) Một số kết quả đạt được

Rút ngắn thời gian đăng ký thành lập doanh nghiệp từ 03 ngày xuống còn 2,5 ngày làm việc; thời gian thực hiện thủ tục quyết định chủ trương đầu tư từ 35 ngày xuống còn 24 ngày.

Triển khai mô hình một cửa, một cửa liên thông ở hầu hết các sở, ban ngành và địa phương⁽¹⁸⁾; công tác giải quyết thủ tục hành chính đối với một số ngành, lĩnh vực liên quan hoạt động của doanh nghiệp như thủ tục đất đai, môi trường, thủ tục khai báo thuế... ngày càng được tinh gọn, giảm thời gian xử lý như: thời gian giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền của Sở Tài nguyên và Môi trường rút ngắn được 2-5% thời gian; tạm nhận hồ sơ dự án để thẩm định và cho phép doanh nghiệp thực hiện song song các nội dung như thẩm duyệt PCCC, đánh giá tác động môi trường... Công tác kiểm tra nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng còn 10 ngày (trước đây là 15 ngày; thẩm định thiết kế cơ sở dự án khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và sản xuất xi măng còn 10 ngày (trước đây là 20 ngày)...

Hỗ trợ nhà đầu tư hoàn chỉnh hồ sơ xin cấp quyết định chủ trương đầu tư (năm 2016 là 50 dự án đầu tư).

Hỗ trợ xác lập quyền sở hữu trí tuệ cho sản phẩm của 29 doanh nghiệp; hướng dẫn 07 doanh nghiệp lập hồ sơ tham gia Giải thưởng chất lượng Quốc gia năm 2016; 05 doanh nghiệp xây dựng tiêu chuẩn cơ sở cho sản phẩm và 06 doanh nghiệp tham gia Chương trình khoa học và công nghệ đổi mới thiết bị.

⁽¹⁵⁾ Tiếp cận đất đai: Năm 2014 (Điểm số: 5,75; Thứ hạng: 35); năm 2015 (Điểm số: 5,63; Thứ hạng: 44) và năm 2016 (Điểm số: 5,40; Thứ hạng: 50).

⁽¹⁶⁾ Chi phí không chính thức: Năm 2014 (Điểm số: 4,98; Thứ hạng: 36); năm 2015 (Điểm số: 4,84; Thứ hạng: 37) và năm 2016 (Điểm số: 4,81; Thứ hạng: 48).

⁽¹⁷⁾ Thiết chế pháp lý: Năm 2014 (Điểm số: 7,46; Thứ hạng: 2); năm 2015 (Điểm số: 7,09; Thứ hạng: 3) và năm 2016 (Điểm số: 5,12; Thứ hạng: 24).

⁽¹⁸⁾ Trên tỉnh hiện có 18/21 sở, ban, ngành và 13/14 huyện, thành phố thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông; 09/14 địa phương và 03 Sở được phê duyệt Đề án thực hiện cơ chế một cửa theo hướng hiện đại, trong đó, có 06 địa phương và 02 Sở chính thức đi vào hoạt động.

Chỉ đạo mở 06 lớp khởi sự doanh nghiệp và 01 lớp quản trị doanh nghiệp cho 385 học viên⁽¹⁹⁾; 01 khóa đào tạo nghiệp vụ năng suất chất lượng và 08 lớp chuyên sâu nghiệp vụ.

Triển khai các hoạt động hỗ trợ, kết nối doanh nghiệp, tham gia các hội chợ, triển lãm, giới thiệu sản phẩm hàng hóa. Tỷ lệ doanh nghiệp khai thuế điện tử đạt 100% số doanh nghiệp đang hoạt động, nộp thuế điện tử đạt 96,7% doanh nghiệp đăng ký qua ngân hàng.

Thời gian thông quan đối với hàng nhập khẩu: Thời gian trung bình từ khi doanh nghiệp đăng ký tờ khai đến khi quyết định thông quan /giải phóng hàng: 29 giờ 41 phút 27 giây; thời gian thông quan đối với hàng hóa xuất khẩu: Thời gian trung bình từ khi doanh nghiệp đăng ký tờ khai đến khi quyết định thông quan /giải phóng hàng: 3 giờ 13 phút 53 giây.

UBND tỉnh đã chủ trì tổ chức đối thoại doanh nghiệp trong tháng 10/2016, đồng thời hàng tháng tổ chức Chương trình “Cà phê doanh nhân” để các doanh nhân và cộng đồng doanh nghiệp gặp gỡ, trao đổi, đề xuất, kiến nghị với lãnh đạo tỉnh những khó khăn, vướng mắc trong sản xuất kinh doanh để kịp thời chỉ đạo giải quyết. Trong đó tập trung một số lĩnh vực như: các thủ tục liên quan đến đất đai, chính sách miễn, giảm tiền thuê đất, đầu tư xây dựng công trình,...

Ban hành Quy định về ưu đãi, hỗ trợ và thu hút đầu tư của tỉnh Quảng Ngãi tại Quyết định số 36/2016/QĐ-UBND ngày 29/7/2016, đồng thời chỉ đạo xử lý trùng lặp trong kế hoạch thanh tra, kiểm tra năm 2016 đối với các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh⁽²⁰⁾.

b) Một số tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

b1) Tồn tại, hạn chế

Việc thực hiện các nghị quyết của Chính phủ, các quyết định và chỉ thị của UBND tỉnh về cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh, hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp, cũng như trách nhiệm của người đứng đầu ở một số sở, ban ngành, địa phương chưa thật sự quyết liệt, mạnh mẽ, hiệu quả chưa cao.

Các sở, ngành chưa thật sự quyết liệt đề ra giải pháp rút ngắn thời gian để thực hiện các thủ tục hành chính (TTHC), nhất là TTHC về lĩnh vực đất đai còn nhiều khó khăn, bất cập.

Quy trình xử lý TTHC của một số cơ quan, đơn vị vẫn còn mất nhiều thời gian. Việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại nhiều cơ

⁽¹⁹⁾Có 02 lớp ươm mầm doanh nghiệp cho thanh niên lập nghiệp và các cá nhân có nhu cầu chuẩn bị khởi nghiệp.

⁽²⁰⁾ Đã tiếp nhận và xử lý 01 thông tin phản ánh của doanh nghiệp về việc trùng lặp trong kiểm tra công tác an toàn vệ sinh lao động và phòng chống cháy nổ; ban hành 03 công văn đề nghị Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp chấn chỉnh công tác thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp nhằm tránh chồng chéo.

quan, đơn vị vẫn chưa đảm bảo theo quy định. Sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong việc giải quyết các công việc có liên quan đến doanh nghiệp (DN), nhà đầu tư (NĐT) còn chậm, thiếu đồng bộ làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án đầu tư và cơ hội sản xuất kinh doanh của DN, NĐT.

Một số NĐT năng lực tài chính còn yếu, chưa quyết liệt triển khai đầy nhanh tiến độ thực hiện dự án, có dấu hiệu choáng chiếm đất đã làm ảnh hưởng đến các quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và cơ hội đầu tư của các nhà đầu tư khác.

Còn tình trạng thanh tra, kiểm tra DN chồng chéo, nhiều lần gây không ít khó khăn, làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của DN.

Việc thực thi các cơ chế, chính sách và các biện pháp cụ thể hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho DN của các cấp, các ngành còn chậm. Vai trò cầu nối nắm bắt - phản ánh khó khăn, vướng mắc của các DN đến lãnh đạo tỉnh chưa kịp thời, hiệu quả hoạt động xây dựng, phản biện chính sách, quy định của tỉnh đối với hiệp hội, hội DN tỉnh, NĐT, DN chưa tương xứng với vai trò của mình. Các dịch vụ phát triển DN còn chậm, kém hiệu quả, chất lượng dịch vụ của các nhà cung cấp còn thấp.

Tòa án và cơ quan giải quyết khiếu nại hành chính của tỉnh giúp DN giải quyết tranh chấp hiệu quả chưa cao.

Chưa có cơ quan đầu mối hỗ trợ NĐT thực hiện theo một chu trình khép kín, từ khi xúc tiến ban đầu cũng như đồng hành sát cánh cùng NĐT trong suốt quá trình triển khai dự án và đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

b2) Nguyên nhân

**** Nguyên nhân khách quan***

Nhiều tỉnh đã có sự cải thiện mạnh mẽ, bứt phá nhanh hơn về các chỉ số thành phần, dẫn đến tổng số điểm và thứ hạng tăng cao.

Điều kiện tự nhiên của tỉnh cùng với hệ thống giao thông kết nối chưa được đồng bộ, thuận lợi nên chưa thật sự hấp dẫn và tạo sự hài lòng của NĐT.

Khoảng 97% DN trên địa bàn tỉnh là DN vừa và nhỏ nên mức độ tiếp cận, am hiểu pháp luật để thực hiện các TTHC và chấp hành pháp luật còn hạn chế.

**** Nguyên nhân chủ quan***

Nhiều sở, ban ngành và địa phương chưa có sự chuyển biến về nhận thức, chưa quyết liệt trong chỉ đạo triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, dẫn đến việc NĐT, DN gặp nhiều khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện dự án đầu tư, kinh doanh tại tỉnh. Cụ thể:

- *Tiếp cận đất đai:*

+ Nhiều trang thông tin điện tử của các sở, ban ngành, địa phương chưa cập nhật các quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và những chính sách mới của Trung ương cũng như địa phương đã ban hành để thuận tiện cho DN tiếp cận thông tin.

+ Doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn trong việc lựa chọn địa điểm đầu tư do giữa quy hoạch được phê duyệt và địa điểm DN lựa chọn thường không khớp nhau, dẫn đến việc phải thực hiện nhiều bước thủ tục hành chính để có địa điểm.

+ Công tác tuyên truyền vận động người dân và hỗ trợ NĐT, DN trong việc áp giá bồi thường, giải phóng mặt bằng cho các dự án sau khi được tỉnh cấp quyết định chủ trương đầu tư ở các địa phương cũng như Trung tâm phát triển quỹ đất chưa nhiều và hiệu quả thấp, làm cho quá trình bàn giao mặt bằng kéo dài, ảnh hưởng tiến độ dự án.

+ Công tác quản lý đất đai tại một số địa phương thiếu chặt chẽ, dẫn đến sự xung đột lợi ích, tranh chấp giữa người dân và DN, ảnh hưởng trực tiếp đến chỉ số tiếp cận đất đai.

- Chi phí thời gian:

+ Việc tuyên truyền cũng như tư vấn pháp lý cho DN còn hạn chế, các văn bản pháp luật của Nhà nước liên quan đến DN chưa được công khai đầy đủ đến DN; năng lực của đội ngũ tư vấn pháp lý còn hạn chế.

+ Công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán (theo kế hoạch và đột xuất) của các cơ quan chức năng từ Trung ương đến địa phương còn chông chéo, nhiều lần, nhất là thanh tra về lĩnh vực thuế.

+ Việc rà soát, xây dựng, ban hành và công bố công khai các TTHC còn chậm; một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức đạo đức công vụ, ý thức trách nhiệm, tinh thần, thái độ làm việc hạn chế, tính chuyên nghiệp trong giải quyết công việc chưa tốt, trong khi công tác giám sát, xử lý vi phạm trách nhiệm chưa nghiêm.

+ Môi quan hệ phối hợp giữa các ngành, địa phương trong liên thông giải quyết TTHC, trong giải quyết khó khăn, vướng mắc của DN chưa thường xuyên và kịp thời, chưa đáp ứng theo yêu cầu DN.

- Chi phí không chính thức:

+ Các bước quy trình, thủ tục đầu tư công chưa thật sự minh bạch, công khai.

+ Tỉnh chưa có cơ quan đầu mối tiếp nhận “một cửa” về thủ tục liên quan đến đầu tư, kinh doanh của DN để DN giảm đi lại tiếp xúc với nhiều sở, ban ngành, địa phương, làm phát sinh nhiều khoản chi phí không cần thiết.

+ Một số chính sách về hỗ trợ và phát triển DN chưa quy định cụ thể thành phần hồ sơ, thời gian giải quyết, quy trình thẩm định để DN thuận lợi trong thực hiện.

+ Công tác giám sát các khâu trong giải quyết hồ sơ của DN còn chưa chặt chẽ, tình trạng kéo dài thời gian xử lý, cố tình gây khó khăn cho DN, yêu cầu DN nộp bổ sung ngoài thành phần được công khai niêm yết, bổ sung nhiều lần và gần đến ngày trả kết quả thì ra thông báo bổ sung hồ sơ vẫn còn diễn ra không ít.

- Tính năng động của chính quyền tỉnh:

UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo các sở, ban ngành, UBND các huyện, thành phố triển khai thực hiện quyết liệt việc cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh nhưng một số cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ thực hiện chưa nghiêm, hiệu quả còn thấp. Phương pháp làm việc vẫn còn ở trạng thái quản lý nhiều hơn là phục vụ DN. Cách giải quyết công việc có trường hợp cứng nhắc, ít đề xuất biện pháp tháo gỡ những vướng mắc, tinh thần dám làm dám chịu trách nhiệm chưa cao.

- Dịch vụ hỗ trợ DN:

+ Hệ thống các chính sách khuyến khích phát triển dịch vụ hỗ trợ DN trên địa bàn tỉnh nhất là các dịch vụ tư vấn pháp lý, thông tin thị trường, xúc tiến thương mại, dịch vụ liên quan đến khoa học công nghệ,... chưa đầy đủ, đồng bộ và đủ hấp dẫn. Việc triển khai các dịch vụ hỗ trợ DN của các cơ quan có chức năng trên địa bàn tỉnh còn thiếu tính thống nhất, thiếu sự liên kết và hiệu quả còn thấp.

+ Chất lượng, hiệu quả hoạt động của Hiệp hội DN tỉnh, Hội DN trẻ tỉnh còn hạn chế, DN chưa thấy được lợi ích khi tham gia nên số lượng hội viên ít; chưa phát huy tốt vai trò cầu nối giữa Chính quyền và cộng đồng DN.

+ Công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận trong cộng đồng DN còn thiếu sót.

+ Việc tổ chức kết nối giải quyết các vướng mắc giữa Doanh nghiệp - Ngân hàng chưa nhiều.

- Thiết chế pháp lý:

+ Doanh nghiệp chưa tin tưởng vào khả năng bảo vệ của pháp luật về vấn đề bản quyền hoặc thực thi hợp đồng.

+ Công tác hỗ trợ pháp lý cho DN khi có tranh chấp thực hiện chưa thường xuyên.

+ Mức độ sẵn sàng của DN khi sử dụng tòa án để giải quyết các tranh chấp còn thấp.

II. Nhiệm vụ và giải pháp nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh năm 2017 và những năm tiếp theo

Năm 2017 tỉnh Quảng Ngãi xác định **“Đổi mới phương thức lãnh đạo, điều hành; cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và khởi nghiệp”** nhằm rút ngắn thời gian thực hiện các thủ tục hành chính đối với các dự án đầu tư, hỗ trợ tốt nhất cho nhà đầu tư, doanh nghiệp khi đến đầu tư, kinh doanh tại tỉnh để cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh và tạo điều kiện khuyến khích đổi mới, sáng tạo, khởi nghiệp góp phần thúc đẩy phát triển bền vững kinh tế - xã hội. Để thực hiện có hiệu quả, thành công chủ đề hành động của tỉnh và hoàn thành thắng lợi các chỉ tiêu, mục tiêu đã đề ra trong năm 2017; các sở, ban ngành, địa phương và các cơ quan, đơn vị có liên quan tiếp tục triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

1. Triển khai thực hiện nghiêm các nghị quyết của Chính phủ: Nghị quyết số 19-2017/NQ-CP ngày 06/02/2017 về việc tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2017, định hướng đến năm 2020 và các Nghị quyết số 19 các năm trước; Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020 và các Quyết định, Chỉ thị của Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện các Nghị quyết này (*Quyết định số 185/QĐ-UBND ngày 28/02/2017; số 1197/QĐ-UBND ngày 05/7/2016; số 370/QĐ-UBND ngày 08/3/2017; số 321/QĐ-UBND ngày 31/7/2014; Chỉ thị số 16/CT-UBND ngày 08/11/2016*). Thực hiện nghiêm túc các cam kết giữa tỉnh Quảng Ngãi với Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam ngày 10/8/2016 về tạo lập môi trường kinh doanh thuận lợi cho các doanh nghiệp; nâng cao nhận thức về vai trò, trách nhiệm và sự đóng góp của doanh nghiệp đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Hàng năm, kiểm tra kết quả thực hiện ở một số cơ quan, đơn vị và đánh giá trách nhiệm người đứng đầu.

2. Người đứng đầu các cấp, các ngành, đặc biệt là các huyện, thành phố phải tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt nhằm tạo sự chuyển biến căn bản về tư duy, nhận thức, quan điểm chỉ đạo và triển khai đồng bộ các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh ở cơ quan, đơn vị; quán triệt cho công chức, viên chức thuộc quyền về tinh thần, thái độ phục vụ DN.

3. Tổ chức đối thoại với doanh nghiệp định kỳ 06 tháng/lần để tiếp xúc, gặp gỡ, lắng nghe và giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp cũng như tạo sự gần gũi, thân thiện giữa chính quyền và doanh nghiệp; tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chương trình “Cà phê doanh nhân”. Các Hiệp hội doanh nghiệp nâng cao vai trò cầu nối, nắm bắt, phản ánh những khó khăn, vướng mắc của các doanh nghiệp đến lãnh đạo tỉnh cũng như hiệu quả trong hoạt động xây dựng, phản biện chính sách, quy định

của tỉnh. Các huyện, thành phố tổ chức đối thoại với DN trên địa bàn để tiếp thu, xử lý các kiến nghị của DN thuộc thẩm quyền.

4. Từng sở, ban ngành, địa phương công khai quy trình giải quyết TTHC trên website của đơn vị mình và gửi tờ rơi cho DN. Sớm ban hành quy trình, hồ sơ liên quan đến đất đai nhằm rút ngắn thời gian và loại bỏ các thủ tục không cần thiết tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các doanh nghiệp, nhà đầu tư dễ dàng tiếp cận đất đai khi thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất.

5. Ứng dụng công nghệ thông tin bảo đảm hầu hết các dịch vụ công cơ bản được cung cấp trực tuyến ở mức độ 3 và một số dịch vụ ở mức độ 4. Tiếp tục đổi mới, cải cách thủ tục, giảm thời gian đăng ký thành lập doanh nghiệp xuống còn 2 ngày làm việc. Nâng cao trách nhiệm công vụ, giải quyết các thủ tục hành chính của các sở, ngành, địa phương liên quan đối với việc hỗ trợ các doanh nghiệp trong quá trình thành lập, đầu tư vào hoạt động sản xuất kinh doanh và vận hành.

6. Thông qua các cơ quan thông tin đại chúng, công thông tin điện tử các sở, ban, ngành và địa phương chuyên tải đầy đủ, tổng hợp các cơ chế, chính sách của Trung ương và của tỉnh đến doanh nghiệp, để doanh nghiệp tiếp cận đầy đủ, kịp thời vận dụng... Tiếp tục rà soát và ban hành các cơ chế, chính sách nhằm hỗ trợ, thu hút đầu tư nhất là lĩnh vực nông nghiệp nông thôn.

7. Sớm thành lập và triển khai hoạt động có hiệu quả Trung tâm dịch vụ hành chính công tỉnh góp phần giải quyết hồ sơ một cửa nhanh chóng, thuận tiện cho nhà đầu tư, doanh nghiệp.

8. Phối hợp hiệu quả trong công tác thanh, kiểm tra, tránh trùng lặp, gây phiền hà cho doanh nghiệp. Xử lý nghiêm các trường hợp lợi dụng, lạm dụng việc thanh tra, kiểm tra để sách nhiễu, gây khó khăn, phiền hà cho doanh nghiệp.

9. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan nghiên cứu, xây dựng Bộ chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và địa phương (Department and District Competitiveness Index - DDCI) tỉnh Quảng Ngãi; trình UBND tỉnh ban hành triển khai thực hiện trong năm 2018.

10. Kết nối hỗ trợ doanh nghiệp trong công tác đào tạo và tuyển dụng lao động; triển khai công tác đào tạo và cung ứng lao động cho các doanh nghiệp đầu tư theo phương châm đáp ứng yêu cầu về số lượng và đảm bảo chất lượng. Đồng thời, tổ chức thực hiện có hiệu quả kế hoạch đào tạo bồi dưỡng đội ngũ doanh nhân giai đoạn 2016-2020 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1354/QĐ-UBND ngày 27/7/2016, trong đó chú trọng các lớp khởi sự, ươm mầm doanh nghiệp và các lớp chuyên sâu.

11. Không thực hiện thủ tục giới thiệu địa điểm, trường hợp nhà đầu tư có yêu cầu giới thiệu địa điểm thì trên cơ sở quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và thực tế định hướng phát triển kinh tế xã hội của địa phương, giao UBND

các huyện, thành phố giới thiệu địa điểm cho nhà đầu tư trong thời gian không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của nhà đầu tư.

12. Tăng cường mối quan hệ với VCCI Việt Nam và VCCI chi nhánh Đà Nẵng để được tư vấn hỗ trợ trong việc nâng cao PCI./.

Nơi nhận:

- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Thành viên Ban Chỉ đạo CCHC và nâng cao PCI;
- Mặt trận và các tổ chức chính trị-xã hội tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH, HĐND tỉnh;
- Cơ quan TW đóng trên địa bàn tỉnh;
- Các sở, ban ngành, đơn vị thuộc UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Đài PTTH, Báo Quảng Ngãi;
- VPUB: CVP, PCVP, các P.N/cứu, CBTH;
- Lưu: VT, TH (ldvu128).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Ngọc Căng